

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

HOÀNG THỊ THANH THỦY

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT
NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN
THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. LÊ HUY TRỌNG

Đà Nẵng – Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại Đại học Kinh Tế

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lê Huy Trọng

Phản biện 1: TS. Nguyễn Công Phương

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Minh Phương

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 09 năm 2010

Có thể tìm thấy luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là TCTD phi ngân hàng, thành lập ngày 19/6/2000 với phương châm hoạt động “Vì sự phát triển vững mạnh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam”. Trải qua chặng đường xây dựng và phát triển, đến nay, PVFC đã trở thành một định chế tài chính mạnh của Tập đoàn và là một trong những TCTD có tốc độ phát triển nhanh. Với tốc độ đó, kể từ khi thành lập từ đến nay PVFC đã 4 lần tăng vốn điều lệ, và đến 30/06/2009 vốn điều lệ của PVFC đã là 5.000 tỷ đồng tăng 50 lần so với khi thành lập; đội ngũ lao động tăng lên hơn 1.200 người so với con số 8 người ban đầu. Đồng thời các chỉ tiêu tài chính của PVFC luôn tăng trưởng mạnh qua các năm, nếu năm 2006 tổng tài sản của PVFC chỉ mới 18 nghìn tỷ thì đến 31/12/2009 đã tăng lên 64,6 nghìn tỷ; số dư nợ tín dụng năm 2004 chỉ 2,3 nghìn tỷ nhưng đến 31/12/2009 là 26,9 nghìn tỷ. Việc tăng trưởng mạnh luôn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro nhất là xuất phát từ chính những đặc điểm hoạt động kinh doanh của ngành tài chính, ngân hàng là phức tạp, luôn chứa đựng nhiều rủi ro, nhạy cảm với sự biến động của nền kinh tế, liên quan đến nhiều tác nhân. Do đó, đối với PVFC, vấn đề an toàn trong hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu, nhất là hoạt động tín dụng. Song, trên thực tế, mặc dù HTKSNB tại PVFC luôn được tăng cường, nhưng việc phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các loại rủi ro chưa đạt hiệu quả cao. Việc hoàn thiện HTKSNB để nâng cao hiệu quả hoạt động của KSNB, đáp ứng yêu cầu là công cụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro cho PVFC là một trong những vấn đề cấp thiết đối với PVFC hiện nay.

Từ thực tế đó, đề tài ***“Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam”*** được lựa chọn

nghiên cứu thực hiện luận văn thạc sĩ, nhằm tìm hiểu sâu hơn về hoạt động KSNB, đóng góp ý kiến vào lĩnh vực này, đồng thời phục vụ công tác quản lý tại hệ thống PVFC.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống về KSNB nói chung và KSNB tại PVFC nói riêng, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về lý luận và thực tiễn, qua đó đề xuất giải pháp hoàn thiện HTKSNB phục vụ cho công tác quản lý của PVFC.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: HTKSNB tại PVFC. Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động tín dụng, đầu tư, huy động vốn, kế toán tại PVFC.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, liên hệ thực tiễn, tổng hợp, phân tích và so sánh. Tìm hiểu thực tế: Trực tiếp công tác tại bộ phận KTKSNB của PVFC, quan sát và phân tích trong suốt thời gian làm việc.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn đã góp phần làm rõ lý luận về HTKSNB tại các TCTD. Đánh giá thực tế HTKSNB tại PVFC, ưu nhược điểm của hệ thống này trong môi trường kiểm soát, thủ tục kiểm soát và hệ thống thông tin. Qua đó, luận văn đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện HTKSNB tại PVFC trên nền tảng có sẵn, nhằm bảo đảm Tổng công ty hoạt động hiệu quả, an toàn và đạt được các mục tiêu đề ra.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài Lời mở đầu và Kết luận, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về HTKSNB trong hoạt động của TCTD;

Chương 2: Thực trạng HTKSNB tại PVFC;

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện HTKSNB tại PVFC.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1.1.1 Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ

Khái niệm

Có nhiều khái niệm về HTKSNB nhưng có thể hiểu một cách chung nhất HTKSNB là sự tích hợp một loạt hoạt động, biện pháp, quan điểm, nội quy, quy định và nỗ lực của mọi thành viên trong tổ chức để đảm bảo tổ chức đó hoạt động có hiệu quả và đạt được mục tiêu đặt ra một cách hợp lý.

Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý

Bảo vệ, quản lý sử dụng tài sản và các nguồn lực của đơn vị một cách kinh tế, an toàn và hiệu quả; Bảo đảm độ tin cậy của thông tin, bảo đảm thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; Bảo đảm việc thực hiện các chế độ pháp lý, tuân thủ pháp luật và các quy trình, quy định nội bộ; Bảo đảm hiệu quả và an toàn của hoạt động và năng lực quản lý.

1.1.2 Các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ

Môi trường kiểm soát

Đặc thù về quản lý: Đặc thù về quản lý chỉ những quan điểm, triết lý và phong cách điều hành khác nhau của nhà quản lý cấp cao của tổ chức.

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức phù hợp sẽ là cơ sở thuận lợi cho việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát và giám sát các hoạt động.

Chính sách nhân sự: Khi thiếu yếu tố con người thì các thủ tục kiểm soát dù được thiết kế chặt chẽ đến đâu cũng không thể thực hiện được trong thực tế.

Công tác kế hoạch: Một hệ thống kế hoạch phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị sẽ là công cụ để kiểm soát quá trình thực hiện của đơn vị đó.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ: KTNB là một hoạt động đánh giá được lập ra trong một tổ chức như là một loại dịch vụ cho tổ chức đó, có chức năng kiểm tra, đánh giá và giám sát sự thích hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán và KSNB.

Các nhân tố bên ngoài bao gồm: Sự kiểm soát của các cơ quan chức năng của nhà nước, môi trường pháp lý, đường lối phát triển của đất nước,...

Các thủ tục kiểm soát nội bộ

Thủ tục kiểm soát là các quy chế và thủ tục do Ban lãnh đạo đơn vị thiết lập và chỉ đạo thực hiện trong đơn vị nhằm đạt được mục tiêu quản lý cụ thể. Việc xây dựng thủ tục kiểm soát phải dựa trên ba nguyên tắc cơ bản sau: Nguyên tắc phân công, phân nhiệm; Nguyên tắc bất kiêm nhiệm; Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

Hệ thống thông tin

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin ngày càng có một vị trí quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là ngành tài chính ngân hàng. TCTD có cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống thông tin quản lý hiện đại sẽ đem lại nhiều hiệu quả trong các mặt hoạt động của tổ chức mình đặc biệt là trong công tác KSNB. Hệ thống thông tin tốt sẽ làm giảm thiểu những sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ, giúp cho nhà quản lý có thể dễ dàng kiểm soát hơn, có thể quản lý từ xa cùng lúc nhiều hoạt động khác nhau nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả.

1.2 HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1.2.1 Các khái niệm liên quan

TCTD là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật các TCTD và các quy định khác của pháp luật để hoạt động ngân hàng.

Ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan.

TCTD phi ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện một số hoạt động ngân hàng như là nội dung kinh doanh thường xuyên, nhưng không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán.

Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

1.2.2 Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng ảnh hưởng đến tổ chức kiểm soát nội bộ

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của TCTD

Huy động vốn: Là hoạt động tạo nguồn vốn cho TCTD, đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động của TCTD. Các hình thức huy động vốn: Nhận tiền gửi; Phát hành giấy tờ có giá; Vay vốn giữa các TCTD; nhận UTĐT, nhận UTQLV, nhận ủy thác cho vay, nhận ủy thác giải ngân,...

Hoạt động tín dụng: Là việc TCTD sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động để cho khách hàng sử dụng một khoản tiền với nguyên tắc có hoàn trả bằng các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ khác.

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: TCTD là ngân hàng được thực hiện các dịch vụ thanh toán và được thực hiện dịch vụ thu, phát tiền mặt cho khách hàng.

Các hoạt động khác: Góp vốn, mua cổ phần; Nghiệp vụ ủy thác và đại lý; Dịch vụ tư vấn;...

Các nhân tố rủi ro trong hoạt động của TCTD

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra những tổn thất ngoài dự kiến cho TCTD do khách hàng vay không trả đúng hạn, không trả hoặc không trả đầy đủ vốn và lãi.

Rủi ro lãi suất là khả năng xảy ra tổn thất cho TCTD khi lãi suất thay đổi ngoài dự tính.

Rủi ro về hoạt động đầu tư là sự mất cơ hội, giảm tài sản, mất vốn hay mất nguồn thu từ việc đầu tư vào các dự án, đầu tư tài chính do thị trường biến động xấu hoặc do dự án không hiệu quả.

Rủi ro hối đoái là khả năng xảy ra những tổn thất ngoài dự kiến cho TCTD khi tỷ giá hối đoái thay đổi vượt quá mức thay đổi dự tính.

Rủi ro thanh khoản là khả năng xảy ra tổn thất ngoài dự kiến cho TCTD khi nhu cầu thanh khoản thực tế vượt quá khả năng thanh khoản dự kiến là gia tăng các chi phí để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc làm cho TCTD mất khả năng thanh toán.

Rủi ro về hoạt động bao gồm: quản trị không tốt các quy trình hoạt động, các cán bộ quản lý có thẩm quyền lợi dụng chức vụ của mình thực hiện các hoạt động kinh doanh không đúng với chức năng nhiệm vụ của mình hoặc thu lợi cá nhân...

Rủi ro khác: các rủi ro khác là rủi ro về ngành nghề, đối tượng cấp tín dụng, đầu tư do khủng hoảng kinh tế hay chính sách thay đổi; rủi ro liên quan đến trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, lụt lội.

1.2.3 Hệ thống kiểm soát nội bộ với việc tăng cường kiểm soát hoạt động tín dụng trong tổ chức tín dụng.

Môi trường kiểm soát:

Quan điểm của lãnh đạo TCTD theo chiều hướng nào thì mục tiêu kiểm soát sẽ được triển khai theo chiều hướng đó. Nếu như ban lãnh đạo chỉ quan tâm đến lợi nhuận thì TCTD đó sẽ sẵn sàng nói lỏng chính sách tín dụng để có thể làm gia tăng dư nợ, doanh thu và lợi nhuận. Song song với việc này thì các thủ tục kiểm soát bị bỏ qua, khả năng nhận diện cũng như cảnh báo rủi ro xuống thấp, do đó xác

suất xảy ra rủi ro tín dụng là rất cao. Rủi ro tín dụng có thể dẫn đến rủi ro thanh khoản với việc hàng loạt người gửi tiền rút tiền ra khỏi TCTD, buộc TCTD phải đóng cửa và tuyên bố phá sản.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của các TCTD không ngừng thay đổi trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Sự ra đời của các sản phẩm ngân hàng, sự thay đổi về nhu cầu tiết kiệm hay vay mượn, sự phát triển của công nghệ, quá trình đa dạng hóa, toàn cầu hóa tạo mối liên kết mới... đều dẫn đến sự thay đổi bộ máy của TCTD.

Chính sách nhân sự là vấn đề rất quan trọng trong môi trường kiểm soát. Chất lượng cán bộ kém, không đủ trình độ đánh giá khách hàng hoặc đánh giá không tốt, cố tình làm sai... là một trong những nguyên nhân của rủi ro tín dụng.

Các thủ tục kiểm soát nội bộ: Thủ tục kiểm soát trong các TCTD cũng phải được thiết lập dựa trên các nguyên tắc sau: Nguyên tắc phân công, phân nhiệm; Nguyên tắc bất kiêm nhiệm; Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

Hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin trong các TCTD phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời, đầy đủ, dễ nắm bắt và cung cấp đúng với người có trách nhiệm. Việc truyền đạt thông tin giữa các cấp phải đảm bảo nhanh chóng và chính xác.

Hệ thống kế toán là một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong HTKSNB, đây là một khâu rất quan trọng trong hệ thống thông tin của TCTD, phản ánh toàn bộ các vấn đề phát sinh trong hoạt động của TCTD. Sự kiểm soát chỉ có thể thực hiện tốt nếu thông tin nắm bắt trung thực, đáng tin cậy, kịp thời và chính xác.

Chương 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

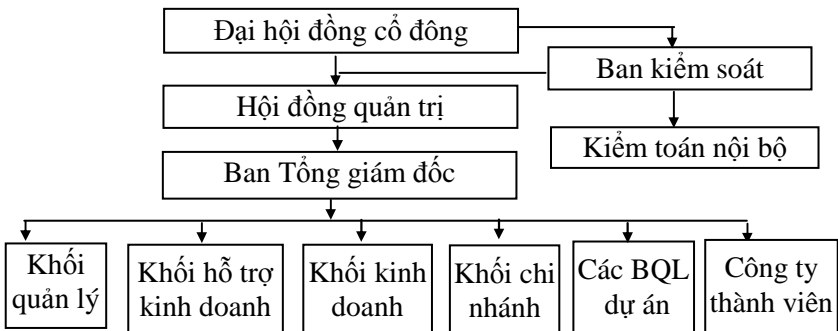
2.1 TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiên thân là Công ty Tài chính Dầu khí, là TCTD phi ngân hàng và là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 04/2000/QĐ-VPCP ngày 30/03/2000 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ.

Từ khi thành lập đến nay, PVFC đã 4 lần tăng vốn điều lệ. Lần đầu tiên vào ngày 01/01/2005, vốn điều lệ được tăng từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng. Lần thứ 2 vào ngày 26/4/2006, vốn điều lệ tăng lên 1.000 tỷ đồng. Đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, ngày 14/02/2007, PVFC tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng. Ngày 18/03/2008, PVFC chính thức chuyển thành Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam và vốn điều lệ tăng lên 5.000 tỷ đồng, trong đó Mogan Stanley trở thành cổ đông chiến lược nắm giữ 10% vốn điều lệ của PVFC.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức (tóm tắt):



2.1.2 Phạm vi hoạt động của Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Thị trường hoạt động của PVFC rộng khắp tại các khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước và khu vực có hoạt động dầu khí như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Vũng Tàu,... PVFC cung cấp cho khách hàng dịch vụ tài chính đa dạng gồm: Sản phẩm tiền có từ huy động vốn; Sản phẩm tín dụng; Sản phẩm đầu tư; Các sản phẩm khác,...

Huy động vốn: Các nguồn huy động vốn đa dạng, tuy nhiên PVFC chú trọng tạo vốn từ nguồn tiền tệ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Hoạt động tín dụng: Đối tượng khách hàng theo định hướng của PVFC là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng, khoáng sản, du lịch cao cấp, bất động sản, tài chính, tín dụng, chứng khoán, tiền tệ. Đối với các khách hàng cá nhân, PVFC chủ yếu cung cấp dịch vụ tín dụng cho cán bộ công nhân viên của các đơn vị trong ngành.

Hoạt động đầu tư: Là mảng hoạt động mạnh và có uy tín của PVFC, bao gồm: Góp vốn thành lập công ty; Góp vốn đầu tư dự án; Mua cổ phần hoặc mua lại phần vốn góp tại các công ty; Mua công trái, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu và các công cụ hưởng lãi.

2.2 THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.2.1 Khái quát chung về hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam.

PVFC xác định hoạt động KSNB dựa trên một số nguyên tắc sau: Nguyên tắc phân công phân nhiệm; Nguyên tắc bất kiêm nhiệm; Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn. Theo đó KTNB và bộ phận KTKSNB chuyên trách được thành lập nhằm giúp Tổng giám đốc

điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của PVFC.

KTNB có nhiệm vụ kiểm tra, rà soát đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của PVFC dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của PVFC.

Bộ phận KTKSNB chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý và điều hành, tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định nội bộ. Bộ phận KTKSNB các chi nhánh trực thuộc phòng Tổng hợp và do Giám đốc chi nhánh quyết định: xếp lương chức danh, bố trí sắp xếp nhân sự,... đã làm ảnh hưởng đến tính độc lập khách quan trong kết quả kiểm tra của bộ phận này.

2.2.2 Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

2.2.2.1 Môi trường kiểm soát

Đặc thù về quản lý: Là công ty kinh doanh tài chính tiền tệ hoạt động với với tôn chỉ "Tầm nhìn tăng trưởng - Cam kết vững chắc - Thành công tài chính" trong những năm qua Ban lãnh đạo PVFC xác định công tác quản lý rủi ro và bảo toàn vốn là công tác trọng yếu.

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức tại PVFC được phân thành khối kinh doanh, khối quản lý, khối hỗ trợ quản lý, khối các chi nhánh và các công ty con. Đồng thời, mô hình hoạt động của các chi nhánh cũng được thiết lập lại cho phù hợp với quy mô thị trường, mục tiêu hoạt động của từng chi nhánh.

Công tác kế hoạch: Kế hoạch của PVFC bao gồm kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm, kế hoạch quý, kế hoạch tháng. Nội dung chính của các kế hoạch này bao gồm các nhiệm vụ và chỉ tiêu kinh tế cần đạt được trong kỳ kế hoạch của PVFC. Kế hoạch của PVFC được lập, giao và đánh giá thực hiện cho từng đơn vị trong Tổng công ty.

Công tác nhân sự: Ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, công nghệ thông tin, con em cán bộ công nhân viên có đóng góp vì sự nghiệp phát triển của PVFC và ngành Dầu khí. Đồng thời PVFC thường xuyên tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo tập trung vào các kỹ năng quản trị hiện đại, ngoại ngữ, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của PVFC bao gồm 03 người và trong đó có một thành viên là chuyên trách.

Kiểm toán nội bộ: KTNB là đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ các hoạt động nghiệp vụ tại PVFC.

Các nhân tố bên ngoài: Quy định của NHNN về hoạt động của TCTD và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

2.2.2.2 Thủ tục kiểm soát nội bộ

Tại PVFC các thủ tục kiểm soát được thiết lập trên cơ sở các nguyên tắc:

Nguyên tắc phân công, phân nhiệm: Mỗi cá nhân làm việc tại PVFC đều có một chức danh nhất định và ứng với mỗi chức danh đó sẽ là bản mô tả công việc về trách nhiệm, quyền hạn cũng như nội dung chi tiết công việc phải thực hiện.

Nguyên tắc bất kiêm nhiệm: Đối với mỗi nghiệp vụ phát sinh ở PVFC, luôn luôn có sự độc lập giữa người đề xuất, phê duyệt, thực hiện, quản lý và ghi sổ.

Nguyên tắc uỷ quyền và phê chuẩn: Việc giao thẩm quyền ký kết văn bản liên quan đến các hoạt động tại PVFC luôn được quy định rõ bằng văn bản.

Nội dung cụ thể các thủ tục kiểm soát việc thực hiện một số nghiệp vụ tại PVFC:

Hoạt động tài chính kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh tại PVFC đều có văn bản hướng dẫn cụ thể về cách thức hạch toán và lưu chứng từ. Mỗi một chứng từ hạch toán tại PVFC đều ít nhất có 03 người kiểm soát: chuyên viên kế toán, kiểm soát viên và kế toán trưởng.

Hoạt động tín dụng: Hiện tại, Quy chế Tín dụng ban hành kèm quyết định số 4679/QĐ-TCDK-QTRR ngày 06/07/2009 là quy định chung nhất cũng là cơ bản nhất điều tiết hoạt động tín dụng tại PVFC.

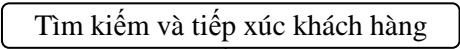
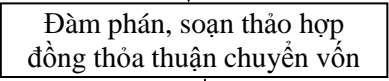
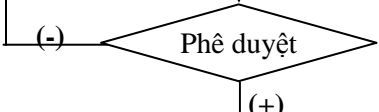
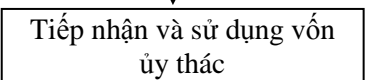
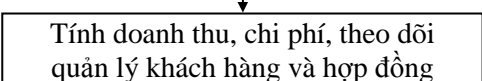
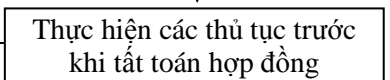
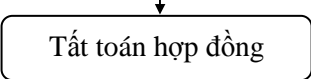
Tín dụng cá nhân: PVFC chỉ thực hiện cho vay bảo đảm bằng lương với một số đối tượng thuộc diện ưu tiên và cho vay đối với các hình thức cho vay cá nhân khác khi khách hàng có phương án sử dụng tiền vay, có kế hoạch trả nợ và có tài sản đảm bảo tiền.

Tín dụng doanh nghiệp: PVFC chỉ thực hiện cho vay khi khách hàng đáp ứng được các yêu cầu của PVFC. Để quản lý khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng, PVFC đề ra các biện pháp: Quản lý hồ sơ khách hàng; Đánh giá lại tài sản đảm bảo; Đối chiếu số liệu định kỳ giữa kế toán và tín dụng; Kiểm tra sau cấp tín dụng; Thu hồi nợ và xử lý nợ xấu.

Hoạt động đầu tư: PVFC chỉ xem xét tham gia đầu tư khi các khoản đầu tư phù hợp với quy định về lĩnh vực, ngành nghề theo quy định của PVFC và đáp ứng điều kiện: Giá trị hiện tại ròng dự kiến $(NPV) \geq 0$; Tỷ suất hoàn vốn nội bộ $(IRR) \geq$ Lãi suất UTQLV + a% (a = 3% nếu khoản đầu tư bằng đồng Việt Nam và = 2% nếu bằng đồng đôla Mỹ)

Để quản lý phần vốn góp, PVFC đề ra các biện pháp quản lý sau đây: Phân công cán bộ quản lý phần vốn góp; Cử cán bộ đại diện tham gia quản lý vốn góp tại doanh nghiệp góp vốn, mua cổ phần, đầu tư dự án, doanh nghiệp mua lại; Thực hiện đánh giá danh mục đầu tư theo quy định của PVFC.

Công tác huy động và quản lý nguồn vốn:
Quy trình nhận ủy thác quản lý vốn tại PVFC

Trách nhiệm	Tiến trình	Diễn giải
Chuyên viên huy động vốn		Bước 1
Chuyên viên huy động vốn		Bước 2
Tổng giám đốc/ người được ủy quyền		Bước 3
Chuyên viên huy động vốn Ban tài chính kế toán		Bước 4
Chuyên viên huy động vốn		Bước 5
Chuyên viên huy động vốn		Bước 6
Chuyên viên huy động vốn Ban tài chính kế toán		Bước 7

Việc huy động vốn bằng hình thức nhận UTĐT được thực hiện theo Quy chế Đầu tư ban hành kèm quyết định số 3812/QĐ-TCĐK-QTRR ngày 04/06/2009. Hiện tại hoạt động nhận UTĐT tại PVFC chỉ có những quy định chung mà chưa có quy trình hướng dẫn cụ thể.

Đối với tất cả các mặt hoạt động của PVFC đều có sự kiểm tra lại của bộ phận KTKSNB chuyên trách và KTNB. Nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra cũng như tần suất kiểm tra của hai bộ phận này đối

với từng nghiệp vụ tùy thuộc vào mức độ rủi ro, tính phức tạp cũng như ảnh hưởng của hoạt động đó đối hoạt động chung của PVFC. Tuy nhiên, mọi hoạt động đều được kiểm tra tuân theo quy trình kiểm tra nhất định.

Hệ thống thông tin

Phần mềm nghiệp vụ đang được sử dụng tại PVFC là phần mềm bank2000, tuy nhiên phần mềm này có một số hạn chế như sau:

Việc khóa dữ liệu ngày cũ và tạo dữ liệu ngày mới trên phần mềm Bank2000 chưa thực hiện đồng bộ ở trên toàn hệ thống.

Việc phân cấp, phân quyền sử dụng phần mềm Bank2000 chưa thực sự rõ ràng và chưa có quy định cụ thể để xác định trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc cập nhật và sử dụng thông tin.

Giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận kế toán chưa có sự ràng buộc trong việc nhập dữ liệu.

Không có khả năng cảnh báo hoặc tự động chuyển nợ quá hạn đối với các khoản nợ quá hạn theo quy định của NHNN.

Việc quản lý khách hàng trên phần mềm bank2000 chưa có tính đồng bộ và tập trung.

Hệ thống báo cáo chiết xuất từ phần mềm bank2000 vẫn còn nhiều hạn chế, khả năng chiết xuất báo cáo theo yêu cầu của quản lý thực sự chưa đáp ứng được.

Hệ thống phần mềm UTĐT chưa hỗ trợ các phòng giao dịch thực hiện nghiệp vụ, quản lý các các giao dịch và số cổ phần uỷ thác của khách hàng.

2.3 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.3.1 Những kết quả đạt được của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

PVFC đã ban hành hàng loạt quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn mới nhằm phù hợp với mục tiêu hoạt động mới, đồng thời không ngừng cải cách, sửa đổi cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của PVFC cũng như quy định của cơ quan nhà nước.

Ban lãnh đạo PVFC đã cố gắng trong việc tạo lập và duy trì một môi trường kiểm soát lành mạnh làm tiền đề thuận lợi cho hoạt động KSNB và đã chú trọng xây dựng một môi trường kiểm soát tốt làm nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của HTKSNB.

2.3.2 Những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

- Chưa có sự thống nhất và phối hợp lẫn nhau giữa các đơn vị trong việc ban hành quy trình, quy chế.
- Còn có sự chồng chéo trong việc phân chia, quản lý thị trường khí tại Hà Nội là nơi đặt trụ sở chính và chi nhánh Thăng Long, tại thành phố Hồ Chí Minh có 2 chi nhánh cùng song song hoạt động.
- Việc song song tồn tại bộ phận KTKSNB chuyên trách và KTNB có những chức năng và nhiệm vụ trùng nhau dễ bị chồng chéo gây lãng phí nguồn lực, kém hiệu quả; Khi đã thiết lập và duy trì được HTKSNB tốt thì PVFC có thể quản lý tốt hoạt động và các rủi ro liên quan, do đó, không cần thiết phải thành lập bộ phận chuyên trách; Bộ phận KTKSNB chuyên trách không đảm bảo tính độc lập, khách quan nên kết quả sẽ bị hạn chế.

- Ban kiểm soát về thực chất vẫn chưa có được sự độc lập tương đối với bộ phận được kiểm tra.
- Một bộ phận lớn nhân viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công việc. Ý thức của mỗi cán bộ thực hiện chưa cao nên công tác kiểm soát ở PVFC chưa thực sự phát huy hiệu quả.
- Sự phân cấp, phân quyền giữa các cấp đã có nhưng trong quá trình thực hiện thường xuyên có sự thay đổi làm cho các cấp còn nhiều bị động trong việc thực hiện.
- Phần mềm Bank chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển của PVFC.
- Chưa lập được báo cáo tài chính hợp nhất cho toàn tổng công ty (bao gồm công ty mẹ và các công ty con).

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.1 TÍNH TẤT YẾU PHẢI HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Việc gia nhập WTO đã làm gia tăng các TCTD tại thị trường Việt Nam tạo ra áp lực cạnh tranh đối với các TCTD trong nước.

Chính sách cải cách, mở cửa và hội nhập của nhà nước đã tạo thế và lực cho sự phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và lĩnh vực tài chính – ngân hàng nói riêng. Trong bối cảnh đó, PVFC cần phải thể hiện một cách đầy đủ vai trò là định chế tài chính hàng đầu của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Hoàn thiện HTKSNB còn xuất phát từ chiến lược phát triển của PVFC đến năm 2015, PVFC trở thành tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam và là tập đoàn tài chính quan trọng nhất, là xương sống trong các định chế tài chính khác của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, đáp ứng được tối đa nhu cầu vốn cho các dự án của Tập đoàn.

3.2 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Một là hoàn thiện HTKSNB nhằm mục đích triển khai thực hiện có hiệu quả, phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của PVFC trong từng giai đoạn.

Thứ hai là việc hoàn thiện HTKSNB phải mang tính đồng bộ trong tất cả các hoạt động.

Thứ ba là cần xây dựng hệ thống giám sát và quản trị rủi ro phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Thứ tư là vừa hoàn thiện HTKSNB vừa đảm bảo hoạt động của PVFC ổn định và hiệu quả.

Cuối cùng trong quá trình hoàn thiện HTKSNB, cần phải quan tâm đảm bảo yếu tố nhân lực.

3.3 NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.3.1 Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát

Về đặc thù quản lý

Để hoàn thiện môi trường KSNB, không chỉ riêng ban lãnh đạo PVFC có quan điểm điều hành đúng đắn, nhận thức, quán triệt tầm quan trọng của công tác KSNB mà cần phải có biện pháp để nâng cao tầm quan trọng của công tác KSNB trong ý thức và thực thi của mỗi cán bộ nhân viên. Tăng cường nhận thức về kiểm soát nội bộ trong nội bộ PVFC. PVFC ngày càng phát triển, mức độ phân cấp, phân quyền ngày càng cao, kể cả phân quyền đến từng nhân viên giao dịch. Vai trò của kiểm soát quản lý trở nên cực kỳ quan trọng để có thể ngăn chặn và phát hiện những sai sót và tiêu cực, đảm bảo an toàn trong hoạt động của PVFC.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý

PVFC cần có một quy định rõ ràng về trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như quyền lợi của các Phó Tổng giám đốc về hoạt động của chi nhánh mình phụ trách, cung cấp kịp thời thông tin và tham mưu cho Tổng Giám đốc việc điều hành hoạt động của từng đơn vị, đưa ra ý kiến, biện pháp quản lý nhằm kiểm soát rủi ro xảy ra trong hoạt động của đơn vị mình phụ trách, đảm bảo thúc đẩy sự phát triển bền vững, an toàn của từng chi nhánh, từng bộ phận.

PVFC cần nghiên cứu để sáp nhập chi nhánh Thăng Long chung vào Hội sở chính và chi nhánh Sài Gòn chung vào với chi nhánh Hồ Chí Minh để hoạt động của PVFC tại hai khu vực này có thể chuyên nghiệp hơn và giảm thiểu sự chồng chéo của bộ máy lãnh đạo.

PVFC cần nghiên cứu và ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm chuẩn hóa hoạt động của các phòng giao dịch để hoạt động ở các bộ phận này ngày càng chuyên nghiệp hơn cũng như tăng cường khả năng kiểm soát của các cấp tại các phòng giao dịch.

Cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các Ban nghiệp vụ tại Hội sở và giữa Ban nghiệp vụ tại Hội sở với các chi nhánh trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn hoạt động của PVFC cũng như trong việc thực hiện các nghiệp vụ phát sinh để đảm bảo tính đồng bộ về mặt hướng dẫn, tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết các nghiệp vụ phát sinh tại PVFC.

PVFC cần xây dựng lộ trình càng sớm càng tốt để hình thành một mô hình tổ chức của bộ phận KTKSNB chuyên trách, KTNB hợp lý nhất, đó là: không còn bộ phận KTKSNB chuyên trách mà tập trung sức mạnh cho KTNB cũng như thiết lập được HTKSNB hoàn thiện.

Trung tâm đào tạo cần phải xây dựng được đội ngũ giáo viên giảng dạy nội bộ đảm bảo được nhu cầu đào tạo của PVFC. Nhân viên mới được tuyển dụng vào PVFC cần phải gửi đi học nghiệp vụ chuyên môn theo chức danh công việc của mình tại Trung tâm đào tạo trước khi nhận nhiệm vụ.

Nâng cao công tác kế hoạch tại PVFC

Kế hoạch cần phải được xây dựng trên cơ sở tình hình hoạt động kinh doanh những năm trước, tình hình thị trường tài chính trong và ngoài nước, thực tế hoạt động của từng chi nhánh, phòng giao dịch.

Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ phận kiểm tra nội bộ

Cần trao cho bộ phận KTNB nhiệm vụ và quyền hạn nhất định, cụ thể để thuận tiện trong việc triển khai, việc thực hiện nhiệm vụ cần được độc lập, không bị lệ thuộc và tiến hành một cách khách quan, trung thực. KTNB cần được tổ chức một cách khoa học chuyên sâu, tập trung những thành phần ưu tú, có năng lực và tâm huyết

Nhiệm vụ KSNB nên được quán triệt thực thi ngay khi có nhiệm vụ phát sinh. Từng cá nhân, đơn vị thực thi nhiệm vụ chuyên môn cần phải thường xuyên tự kiểm tra, kiểm tra chéo lẫn nhau.

Nên sáp nhập bộ phận KSKSNB chuyên trách và KTNB thành KTNB để tạo điều kiện cho HTKSNB này hoạt động có hiệu quả hơn. Lúc đó, PVFC cần xây dựng và ban hành điều lệ KTNB với những yêu cầu cơ bản: Chỉ ra mục tiêu và phương pháp tiến hành KTNB; Xác định rõ nhiệm vụ của KTNB; Xác định các nguyên tắc tiến hành kiểm toán; Cho phép kiểm toán viên tiếp cận với các tài liệu, cũng như những người có liên quan đến hoạt động KTNB.

3.3.2 Giải pháp hoàn thiện thủ tục kiểm soát

Để thủ tục kiểm soát các quy trình nghiệp vụ của PVFC được tốt hơn, tác giả luận văn có một số đề xuất như sau:

- Chuẩn hóa các hoạt động tại PVFC bằng cách ban hành đầy đủ quy trình thực hiện các nghiệp vụ trên cơ sở các quy chế, quy định và hướng dẫn đã có.

- Thủ tục kiểm soát cần thiết kể theo các hướng, nội dung sau:

Đánh giá rủi ro là vấn đề rất quan trọng trong nghiệp vụ KSNB và trong hoạt động của PVFC.

Mọi rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của PVFC đều phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá

một cách thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp.

Có thiết kế và lựa chọn thủ tục kiểm soát hợp lý phù hợp với từng mặt nghiệp vụ, từng loại rủi ro. Thủ tục kiểm soát phải đảm bảo các nghiệp vụ phát sinh đều phải được thể hiện bằng chứng từ, ghi chép sổ sách đầy đủ và đồng thời phải quản lý được rủi ro.

3.3.3 Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin

Trong thời gian tới PVFC cần xây dựng được một phần mềm nghiệp vụ đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có khả năng online trên toàn hệ thống một cách đồng bộ.
- Việc phân cấp, phân quyền sử dụng phần mềm phải do một đơn vị đầu mối thực hiện.
- Có khả năng tự kiểm soát số liệu giữa bộ phận kế toán và bộ phận kinh doanh để phát hiện chênh lệch nếu có.
- Có khả năng cảnh báo hoặc tự động chuyển nợ quá hạn đối với các khoản nợ quá hạn theo quy định của NHNN và PVFC.
- Hệ thống phần mềm với nghiệp vụ UTĐT phải hỗ trợ các phòng giao dịch thực hiện nghiệp vụ, quản lý các các giao dịch và số cổ phần uỷ thác của khách hàng, đồng thời kết nối được số liệu từ các điểm Giao dịch về bộ phận tổng hợp quản lý Danh mục của quản lý vốn UTĐT
- Hệ thống mang tính mở rộng cao, dễ dàng tích hợp với các hệ thống khác, và thuận tiện trong việc nâng cấp, phát triển các sản phẩm mới.
- Cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung, tránh được vấn đề khách hàng rải rác trên hệ thống.
- Công tác báo cáo phải đáp ứng được yêu cầu quản trị hiện đại của PVFC; kịp thời cung cấp thông tin cho yêu cầu ra quyết định

nhanh chóng là một đòi hỏi bức thiết và quyết định sự thành công trong công tác điều hành.

3.4 KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Một số kiến nghị sau đây được đưa ra để NHNN có thể giám sát và hỗ trợ các TCTD trong việc tổ chức và thực hiện HTKSNB:

- Sớm ban hành các hướng dẫn giúp các TCTD giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực thi quyết định số 36/2006/QĐ-NHNN về Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN về Quy chế kiểm toán nội bộ của TCTD.

- NHNN cần nghiên cứu về mô hình tổ chức của bộ máy KSNB chuyên trách sao cho vừa phù hợp với điều kiện cụ thể vừa phù hợp với thông lệ tốt nhất (tập trung về một mối về KTNB, không còn bộ phận KSNB chuyên trách).

- Bổ sung quy định về số năm công tác trong lĩnh vực quản lý tài chính, kế toán và số năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng đối với cán bộ làm kiểm toán nội bộ nói chung.

- Quy định số giờ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tối thiểu trong năm đối với kiểm toán viên nội bộ.

- Các cơ quan giám sát của NHNN cần tăng cường việc giám sát thực hiện quy chế về kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

- Bắt buộc các TCTD phải gửi báo cáo kiểm toán do kiểm toán nhà nước hoặc kiểm toán độc lập thực hiện cùng với nhận xét của kiểm toán về HTKSNB tại TCTD.

- NHNN cần quy định các yêu cầu chặt chẽ về hệ thống KSNB trong điều kiện thành lập TCTD hoặc chi nhánh mới.

KẾT LUẬN

Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam là định chế tài chính đầu tiên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, thời gian qua PVFC đã bước đầu thể hiện là công cụ đặc lực của Tập đoàn trong việc quản lý và điều hành nguồn của Tập đoàn. PVFC đã vận hành thông suốt bộ máy từ Hội sở đến các Chi nhánh, từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phục vụ tốt cho nhu cầu vốn của trong và ngoài ngành, đảm bảo khả năng quản lý tốt các nguồn vốn và thực thi hiệu quả nhiệm vụ Tập đoàn giao phó.

Với quy mô hoạt động và địa bàn quản lý tương đối rộng, đối tượng cho vay, đầu tư ngày càng đa dạng nên yêu cầu quản lý đặt ra về việc đảm bảo hiệu quả hoạt động và an toàn nguồn vốn đối với PVFC luôn là vấn đề cấp thiết; việc phát hiện, ngăn chặn và hạn chế, khắc phục rủi ro luôn được Ban lãnh đạo PVFC quan tâm hàng đầu và ưu tiên tổ chức triển khai thực hiện. Trong điều kiện đó, việc xây dựng và hoàn thiện HTKSNB là vấn đề tiên quyết có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển bền vững của PVFC góp phần phần đầu thực hiện thành công phương châm "Tầm nhìn tăng trưởng - Cam kết vững chắc - Thành công tài chính".

Qua tìm hiểu lý luận và nghiên cứu thực tế hoạt động của HTKSNB tại PVFC, tác giả đã hoàn thành Luận văn thạc sĩ với đề tài ***“Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam”***.

Luận văn đã khái quát được tổng quan sự hình thành và phát triển của PVFC, phân tích và hệ thống hóa những vấn đề liên quan đến KSNB, phòng ngừa và xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, đề cập đến các lý luận cơ bản về hoạt động của HTKSNB tại PVFC. Bên cạnh đó luận văn đã phân tích, đánh giá tình hình triển khai hoạt

động KSNB, nêu ra những thành tựu và hạn chế trong công tác KSNB tại đây cũng như tìm nguyên nhân của những hạn chế phát sinh. Trên cơ sở đó kết hợp với mục tiêu chiến lược hoạt động của PVFC đề xuất các giải pháp cụ thể để tăng cường hoàn thiện HTKSNB với mong muốn đóng góp một phần nhỏ nghiên cứu của mình vào việc hoàn thiện hoạt động KSNB phù hợp với chiến lược phát triển của PVFC trong thời gian tới; thúc đẩy tăng trưởng và an toàn trong hoạt động của PVFC gắn liền với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của PVFC./.